

Dòng sản phẩm y tế 1129

Bánh xe PPR đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 75 x 31mm

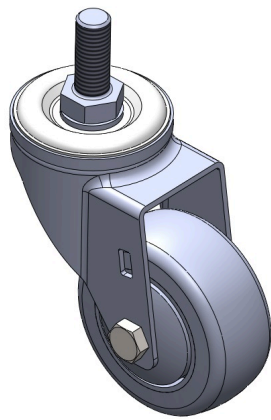
EAN

TW-4112903002013

Huódòng shì jiǎolún, yá xīn mǎo hé chōngyā jiǎo jià—1/2"-12 yá  
biǎomiàn diàndù, sī kǒu shì ānzhuāng zhuāngzhì  
nài chōngjǐ jù bǐngxī lún xīn, rèsùxìng tánxìng tǐ (TPR) lún miàn  
shēn huīsè, lúnzǐ zhóuchéng—jīngmì gǔnzhū 顯示更多 85 / 5,000 Bánh xe có thể di chuyển, chân máy có đỉnh tán có lõi ren—1/2"-12 ren  
Mạ bề mặt, thiết bị lắp ren  
Lõi bánh xe bằng polypropylen chống va đập, bề mặt bánh xe bằng nhựa đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)  
Xám đậm, bạc đạn bánh xe - bi chính xác

Bề mặt bánh xe: Cao su đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)  
Lõi bánh xe: Được làm bằng polypropylen chống va đập chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

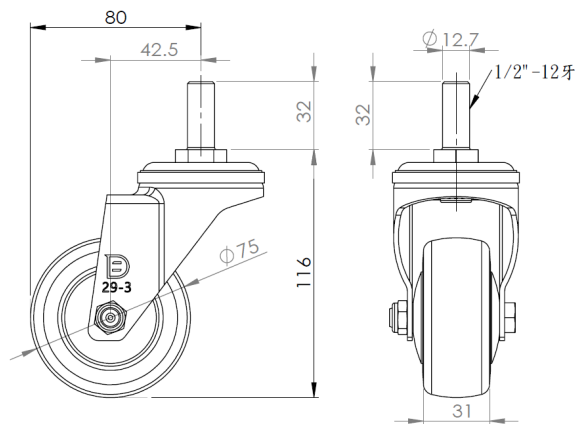
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 75mm                        |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 31mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Thông số kỹ thuật của ren                                                 | 1/2 " -12牙                  |
| Độ lệch tâm                                                               | 42.5mm                      |
| Bán kính xoay                                                             | 160mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 116mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 80mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 82±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 70kgs                       |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 105kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +60                |
| Kiểu càng xe                                                              | hoạt động                   |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đầy                                                   | 0.5kgs                      |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

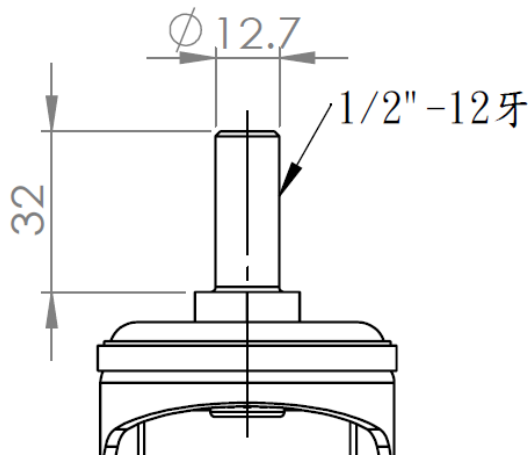
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ○ |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ● ● |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đầy



Bản vẽ 2D kích thước trục ren



Bản vẽ chỉ mang tính chất tham khảo có thể khác với sản phẩm thực tế.

